TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/DS-PT
Ngày: 10-3-2020
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và BTTH về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

2. Bà Lê Thị Kim Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1954.

1.2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1951.

Cùng cư trú tại: Tổ 19, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1972. Cư trú tại: Số 15, Đường số 7, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2018).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967.

Cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn T – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài T – Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C. (Văn bản ủy quyền số 1114/UBND-NC ngày 04/2/2020).

3.2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962. (Chết ngày 14/11/2019).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C:

3.2.1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967.

3.2.2. Bà Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm 1988.

3.2.3. Bà Nguyễn Thị Thùy M, sinh năm 1989.

3.2.4. Ông Nguyễn Tấn C1, sinh năm 1991.

Người đại diện hợp pháp của bà T và bà M: Ông Nguyễn Tấn C1, sinh năm 1991. Cùng cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 06/3/2020).

3.3. Bà Phan Thị B, sinh năm 1962.

Cư trú tại: Số 398, Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3.4. Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số 398, Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng T1: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1972. Cư trú tại: Số 15, Đường số 7, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018).

4. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C.

(Bà H, bà C, ông C1 và bà B có mặt;

Ông Hoài T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong khởi kiện ngày 04/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị U và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:* Bà Bà Đặng Thị B1, sinh năm 1926 (chết năm 1995) và ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1925 (chết năm 1969) là vợ, chồng. Thời gian chung sống có 05 người con: Nguyễn Thị U, sinh năm: 1951;

Nguyễn Văn G, sinh năm: 1954; Nguyễn Văn C, sinh năm: 1962; Nguyễn Văn B (chết năm 1969, chết lúc nhỏ), ông Nguyễn Văn X, sinh năm: 1966 (chết năm 2011, có 01 người con tên Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm: 1998, có bà Phan Thị B, sinh năm 1962 sống như vợ từ năm 1997, không đăng ký kết hôn). Năm 1969, ông Nguyễn Văn Đ chết. Năm 1972, bà Bà Đặng Thị B1 về xã Phước Lâm có xin chính quyền xã P, huyện C một phần đất công điền để làm nhà ở; tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Cùng năm 1972, bà B1 đưa các con từ xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc về sống tại xã P, huyện C. Năm 1987, ông C cưới bà C và sống chung với bà Bà Đặng Thị B1 cùng ông Nguyễn Văn X. Năm 1990, bà B1 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo mẫu tỉnh đổi với thửa đất số 1649. Ngày 20 tháng 01 năm 1995, bà B1 chết không để lại di chúc, ông C, bà C và ông X tiếp tục quản lý, sử dụng phần nhà và đất.

Sau khi bà B1 chết ông C, bà C sang phần đất kế bên, cũng thuộc thửa đất 1649, làm một căn nhà lá cặp nhà thờ của bà B1 để ra ở riêng, lúc này chỉ còn lại một mình ông X ở trên căn nhà thờ và cúng giỗ bà B1.

Năm 2011, ông X chết ông G, bà U mới biết thửa đất 1649, đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà C năm 1997, với diện tích 1.285m^2, tờ bản đồ số 03, loại đất thổ; tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, bà Nguyễn Thị C được cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.112m^2, loại đất thổ; tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Do thửa đất 1649 là di sản của bà B1 chết để lại nên ông G, bà U khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.112m^2, loại đất thổ; tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Chia cho bà U, ông G mỗi người được diện tích 278m^2, theo mảnh trích đo địa chính số 15 hệ tọa độ: VN – 2000, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc ký ngày 22 tháng 02 năm 2019. Bà U lấy phần đất ký hiệu A, diện tích 250m^2; ông G lấy phần đất ký hiện C, diện tích 196m^2; phần D có diện tích 384m^2, trên đất có căn nhà và hồ nước của ông C thì bà U, ông G đồng ý để lại cho ông C tiếp tục sử dụng. Do ông C có diện tích nhiều hơn nên ông C phải trả lại số tiền chênh lệch cho bà U, ông G. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H đại diện cho ông G, bà U đồng ý để bà U lấy phần đất ký hiệu A, diện tích 250m^2; ông G lấy phần đất ký hiệu C, diện tích 196m^2. Không còn yêu cầu ông C phải trả lại số tiền chênh lệch cho bà U, ông G đối với diện tích đất ông C nhiều hơn. Đồng thời, không còn yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận QSDĐ số CL 124347 ngày 27 tháng 12 năm 2017, cho bà Nguyễn Thị C đối với thửa đất số 1649, TBĐ 3, diện tích 1.112m^2, loại đất thổ; tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Theo đơn yêu cầu độc lập và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Mỹ H đại diện cho chị Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày: Yêu cầu Tòa án chia cho chị T1 lấy phần đất tại ký hiệu B, diện tích 282m^2 theo mảnh trích đo địa chính số 15 hệ tọa độ: VN – 2000, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc

ký ngày 22/02/2019. Tại phiên tòa bà H đại diện cho chị T1 chỉ yêu cầu bà C, ông C phải bồi thường giá trị căn nhà đã dở với số tiền là 5.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Hữu L đại diện cho bà C trình bày: Về mối quan hệ gia đình, những người hàng thừa kế thứ nhất của bà Bà Đặng Thị B1 như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Nguồn gốc thửa 1649, của bà Bà Đặng Thị B1, đây là đất công điền vào năm 1972, bà B1 được Nhà nước cho đất sử dụng làm nhà ở, sinh sống. Bà B1 sử dụng liên tục, ổn định từ năm 1972 đến năm 1995 bà B1 chết. Bà B1 chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 1987, bà về làm dâu và ở trên thửa đất 1649, bà với ông C sống chung với bà B1 và ông X. Sau khi bà B1 chết, bà với ông C sang phần đất kế bên, cũng trên thửa đất 1649 làm nhà để ở riêng. Đến năm 1997, nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận QSDĐ, do thửa đất 1649 đã được bà B1 cho bà với ông C từ năm 1988 nên ông C yêu cầu bà đi đăng ký kê khai để cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Về phần căn nhà chị T1 yêu cầu bà với ông C bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Căn nhà này xuất phát từ căn nhà thờ mà trước đây bà B1 cùng các con sinh sống, đến khi bà B1 chết để cho ông X tiếp tục ở. Do nhà hư nhiều nên khoảng năm 2008-2009, ông X được chính quyền địa phương hỗ trợ 5.000.000 đồng để sửa chữa lại nhà cho ông X ở và giỗ bà B1. Đến năm 2011, ông X chết nhà không ai trông coi, hư hỏng nhiều nên bà đã dở nhà từ đầu năm 2018.

Do thửa đất 1649, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Do vậy, việc ông G, bà U và chị T1 yêu cầu chia cho bà U lấy phần đất ký hiệu A, diện tích 250m^2; ông G lấy phần đất ký hiện C, diện tích 196m^2, chị T1 lấy đất ký hiệu B, diện tích 282m^2, để cho ông C lấy phần đất ký hiệu D, diện tích 384m^2, theo mảnh trích đo địa chính số 15 hệ tọa độ: VN – 2000, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc ký ngày 22 tháng 02 năm 2019 thì bà không đồng ý. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Mỹ H là người đại diện cho nguyên đơn ông G, bà U trình bày: Bà Bà Đặng Thị B1, sinh năm 1926 (chết năm 1995) và ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1925 (chết năm 1969) là vợ, chồng. Thời gian chung sống có 05 người con: Nguyễn Thị U, sinh năm: 1951; Nguyễn Văn G, sinh năm: 1954; Nguyễn Văn C, sinh năm: 1962; Nguyễn Văn B (chết năm 1969, chết lúc nhỏ), ông Nguyễn Văn X, sinh năm: 1966 (chết năm 2011, có 01 người con tên Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm: 1998, có bà Phan Thị B, sinh năm 1962 sống như vợ từ năm 1997, không đăng ký kết hôn). Năm 1969, ông Nguyễn Văn Đ chết. Năm 1972, bà Bà Đặng Thị B1 về xã Phước Lâm có xin chính quyền xã P, huyện C một phần đất công điền để làm nhà ở; tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Cùng năm 1972, bà B1 đưa các con từ xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc về sống tại xã P, huyện C. Năm 1987, ông C cưới bà C và sống chung với bà Bà Đặng Thị B1 cùng ông Nguyễn Văn X. Năm 1990, bà B1 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo mẫu tỉnh đổi với thửa đất số 1649. Ngày 20 tháng 01 năm 1995, bà B1 chết không để lại di chúc, ông C, bà C và ông X tiếp tục quản lý, sử dụng phần nhà và đất.

Sau khi bà B1 chết ông C, bà C sang phần đất kế bên, cũng thuộc thửa đất 1649, làm một căn nhà lá cặp nhà thờ của bà B1 để ra ở riêng, lúc này chỉ còn lại một mình ông X ở trên căn nhà thờ và cúng giỗ bà B1.

Năm 2011, ông X chết ông G, bà U mới biết thửa đất 1649, đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà C năm 1997, với diện tích 1.285m^2, tờ bản đồ số 03, loại đất thổ; tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, bà Nguyễn Thị C được cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.112m^2, loại đất thổ; tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Do thửa đất 1649 là di sản của bà B1 chết để lại nên ông G, bà U khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.112m^2, loại đất thổ; tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Chia cho bà U, ông G mỗi người được diện tích 278m^2, theo mảnh trích đo địa chính số 15 hệ tọa độ: VN – 2000, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc ký ngày 22 tháng 02 năm 2019. Bà U lấy phần đất ký hiệu A, diện tích 250m^2; ông G lấy phần đất ký hiện C, diện tích 196m^2; phần D có diện tích 384m^2, trên đất có căn nhà và hồ nước của ông C thì bà U, ông G đồng ý để lại cho ông C tiếp tục sử dụng. Do ông C có diện tích nhiều hơn nên ông C phải trả lại số tiền chênh lệch cho bà U, ông G. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H đại diện cho ông G, bà U đồng ý để bà U lấy phần đất ký hiệu A, diện tích 250m^2; ông G lấy phần đất ký hiệu C, diện tích 196m^2. Không còn yêu cầu ông C phải trả lại số tiền chênh lệch cho bà U, ông G đối với diện tích đất ông C nhiều hơn. Đồng thời, không còn yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận QSDĐ số CL 124347 ngày 27 tháng 12 năm 2017, cho bà Nguyễn Thị C đối với thửa đất số 1649, TBĐ 3, diện tích 1.112m^2, loại đất thổ; tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Theo đơn yêu cầu độc lập và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Mỹ H đại diện cho chị Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày: Yêu cầu Tòa án chia cho chị T1 lấy phần đất tại ký hiệu B, diện tích 282m^2 theo mảnh trích đo địa chính số 15 hệ tọa độ: VN – 2000, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc ký ngày 22/02/2019. Tại phiên tòa bà H đại diện cho chị T1 chỉ yêu cầu bà C, ông C phải bồi thường giá trị căn nhà đã dở với số tiền là 5.000.000 đồng.

**Bị đơn là bà Nguyễn Thị C và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Hữu L trình bày:* Về mối quan hệ gia đình, những người hàng thừa kế thứ nhất của bà Bà Đặng Thị B1 như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Nguồn gốc thửa 1649, của bà Bà Đặng Thị B1, đây là đất công điền vào năm 1972, bà B1 được Nhà nước cho đất sử dụng làm nhà ở, sinh sống. Bà B1 sử dụng liên tục, ổn định từ năm 1972 đến năm 1995 bà B1 chết. Bà B1 chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 1987, bà về làm dâu và ở trên thửa đất 1649, bà với ông C sống chung với bà B1 và ông X. Sau khi bà B1 chết, bà với ông C sang phần đất kế bên, cũng trên thửa đất 1649 làm nhà để ở riêng. Đến năm 1997, nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận QSDĐ, do thửa đất 1649 đã được bà B1

cho bà với ông C từ năm 1988 nên ông C yêu cầu bà đi đăng ký kê khai để cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Về phần căn nhà chị T1 yêu cầu bà với ông C bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Căn nhà này xuất phát từ căn nhà thờ mà trước đây bà B1 cùng các con sinh sống, đến khi bà B1 chết để cho ông X tiếp tục ở. Do nhà hư nhiều nên khoảng năm 2008-2009, ông X được chính quyền địa phương hỗ trợ 5.000.000 đồng để sửa chữa lại nhà cho ông X ở và giỗ bà B1. Đến năm 2011, ông X chết nhà không ai trông coi, hư hỏng nhiều nên bà đã dở nhà từ đầu năm 2018.

Do thửa đất 1649, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Do vậy, việc ông G, bà U và chị T1 yêu cầu chia cho bà U lấy phần đất ký hiệu A, diện tích 250m^2; ông G lấy phần đất ký hiện C, diện tích 196m^2, chị T1 lấy đất ký hiệu B, diện tích 282m^2, để cho ông C lấy phần đất ký hiệu D, diện tích 384m^2, theo mảnh trích đo địa chính số 15 hệ tọa độ: VN – 2000, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc ký ngày 22 tháng 02 năm 2019 thì bà không đồng ý.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 23/9/2019, Tòa án nhân dân huyện huyện Cần Giuộc đã căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 611, 623, 649, 650 và 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị U và yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng T1.

Chia thừa kế đối với di sản của bà Bà Đặng Thị B1 để lại, phần đất qua đo đạc thực tế theo trích đo địa chính số 15; hệ tọa độ: VN – 2000 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc ký ngày 22 tháng 02 năm 2019, có diện tích 1.112 m^2, thuộc thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 03, loại đất ONT; đất tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An, do bà Nguyễn Thị C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành 04 phần, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị U được nhận thừa kế phần đất có diện tích 250 m^2 (ký hiệu A), thuộc một phần thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 03, loại đất ONT. Đất có tứ cận: Đông giáp đường Hai Trọng là 7m; tây giáp thửa đất số 1645 là 8m; nam giáp một phần thửa đất số 1649 (ký hiệu B) là 33,6m; bắc giáp thửa đất số 6006 là 34m.

- Chị Nguyễn Thị Hồng T1 được nhận thừa kế phần đất có diện tích 282 m^2 (phần ký hiệu B), thuộc một phần thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 03, loại đất ONT và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất. Đất có tứ cận: Đông giáp đường Hai Trọng là 8m; tây giáp thửa đất số 1645 là 9m; nam giáp một phần thửa đất số 1649 (ký hiệu D) là 33,3m; bắc giáp một phần thửa đất số 1649 (ký hiệu A) là 33,6m.

- Ông Nguyễn Văn C được nhận thừa kế phần đất có diện tích 384 m^2 (ký hiệu D), thuộc một phần thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 03, loại đất ONT và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất. Đất có tứ cận: Đông giáp đường Hai Trọng là 10,7m; tây giáp thửa đất số 1645 là 12,7m; nam giáp một phần thửa đất số 1649 (ký hiệu C) là 32,8m; bắc giáp một phần thửa đất số 1649 (ký hiệu B) là 33,3m.

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C phải tháo dỡ (đập) di chuyển đi nơi khác 01 phần nhà vệ sinh có diện tích 0,5m^2, nằm trên diện tích 196 m^2 (ký hiệu C), thuộc một phần thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 03, loại đất ONT; đất tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An và dỡ 01 nhà tạm nuôi gà giáp ranh nhà vệ sinh; có tứ cận: Đông giáp một phần thửa đất số 1649 (ký hiệu C) là 3m; tây giáp một phần thửa đất số 1649 (ký hiệu C) là 2,6m; nam giáp một phần thửa đất số 1649 (ký hiệu C) là 2,7m; bắc giáp một phần thửa đất số 1649 (ký hiệu D) là 2,7m.

- Ông Nguyễn Văn G được nhận thừa kế phần đất có diện tích 196 m^2 (ký hiệu C), thuộc một phần thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 03, loại đất ONT và sở hữu số cây trồng trên đất. Đất có tứ cận: Đông giáp đường Hai Trọng là 6m; tây giáp một phần thửa đất số 1645 là 6m; nam giáp thửa đất số 5549 là 32,7m; bắc giáp một phần thửa 1649 (ký hiệu D) là 32,8m.

Có mảnh trích đo địa chính số 15; hệ tọa độ: VN – 2000 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc ký ngày 22 tháng 02 năm 2019; đất tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An kèm theo.

Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị U và chị Nguyễn Thị Hồng T1 được quyền sử dụng đất và trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh hoặc cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ cho ông C, ông G, bà U và chị T1 đối với diện tích được công nhận và chia thừa kế nêu trên.

Đình chỉ việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ số CL 124347 ngày 27 tháng 12 năm 2017, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị C đối với thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 03, loại đất ONT, diện tích 1.112m^2; đất tọa lạc: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C liên đới phải bồi thường 5.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Hồng T1.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn G đã nộp tạm ứng xong nên không xét đến. Chị Nguyễn Thị Hồng T1 phải hoàn trả cho ông G và bà U số tiền 3.753.300 đồng; ông Nguyễn Văn C phải hoàn trả cho ông G và bà U số tiền 5.111.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị U được miễn. Ông Nguyễn Văn C phải chịu 51.628.800 đồng, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C còn phải chịu 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Hồng T1 phải chịu

41.100.000 đồng. Khấu trừ 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T1 đã nộp theo biên lai thu số 0009230 ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc. Chị T1 còn phải nộp tiếp số tiền 38.850.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 08/10/2019, bị đơn là bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C kháng cáo không đồng ý một phần bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Bà C và ông C yêu cầu được chia thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 1649 phần nhiều hơn vì ông bà có công sức giữ gìn, bảo quản di sản.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị U được chia thừa kế quyền sử dụng Khu A, diện tích 206m^2; ông Nguyễn Văn G được chia thừa kế quyền sử dụng Khu B, diện tích 200m^2; bà Nguyễn Thị Hồng T1 được chia thừa kế quyền sử dụng Khu C, diện tích 200m^2; bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C được chia thừa kế quyền sử dụng Khu D, diện tích 506m^2, cùng loại đất ONT, thuộc một phần thửa số 1649, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Khu A, Khu B, Khu C và Khu D nói trên theo Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Trung Nghĩa phân khu ngày 09/3/2020 và Mảnh trích đo địa chính số 15 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 22/02/2019).

- Các đương sự được quyền sở hữu tài sản, cây cối, vật kiến trúc trên Khu đất mà mình được chia thừa kế.

- Về bồi thường thiệt hại về tài sản: Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 không phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại về tài sản.

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị U tự nguyện chịu tổng cộng 19.800.000 đồng.

- Về án phí: Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần đất được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng

thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn C thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị U được chia thừa kế quyền sử dụng Khu A, diện tích 206m^2; ông Nguyễn Văn G được chia thừa kế quyền sử dụng Khu B, diện tích 200m^2; bà Nguyễn Thị Hồng T1 được chia thừa kế quyền sử dụng Khu C, diện tích 200m^2; bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C được chia thừa kế quyền sử dụng Khu D, diện tích 506m^2, cùng loại đất ONT, thuộc một phần thửa số 1649, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Khu A, Khu B, Khu C và Khu D nói trên theo Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Trung Nghĩa phân khu ngày 09/3/2020 và Mảnh trích đo địa chính số 15 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 22/02/2019)

- Các đương sự được quyền sở hữu tài sản, cây cối, vật kiến trúc trên Khu đất mà mình được chia thừa kế.

- Về bồi thường thiệt hại về tài sản: Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C không phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại về tài sản.

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị U tự nguyện chịu tổng cộng 19.800.000 đồng.

- Về án phí: Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần đất được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Xét thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn C thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngày 04/3/2020, ông Nguyễn Hoài T –Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoài T.

[3] Xét tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị U được chia thừa kế quyền sử dụng Khu A, diện tích 206m^2, loại đất ONT, thuộc một phần thửa số 1649, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- Ông Nguyễn Văn G được chia thừa kế quyền sử dụng Khu B, diện tích 200m^2, loại đất ONT, thuộc một phần thửa số 1649, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị Hồng T1 được chia thừa kế quyền sử dụng Khu C, diện tích 200m^2, loại đất ONT, thuộc một phần thửa số 1649, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C được chia thừa kế quyền sử dụng Khu D, diện tích 506m^2, loại đất ONT, thuộc một phần thửa số 1649, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Khu A, Khu B, Khu C và Khu D nói trên theo Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Trung Nghĩa phân khu ngày 09/3/2020 và Mảnh trích đo địa chính số 15 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 22/02/2019).

- Về bồi thường thiệt hại về tài sản: Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C không phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại về tài sản.

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị U tự nguyện chịu tổng cộng 19.800.000 đồng.

- Về án phí: Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần đất được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Xét thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Từ nhận định ở đoạn [3], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 và khoản 7 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1951, tính đến nay đã hơn 60 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi năm 2009. Do đó, ông G và bà U được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nói trên.

Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị Khu D được chia thừa kế. Theo Chứng thư thẩm định giá số 23/07/03/2019/TĐG LA-BĐS ngày 07/3/2019 của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức thì đơn giá thửa số 1649 là 3.440.000 đồng/m^2 nên giá trị quyền sử dụng đất Khu D là: 506m^2 x 3.440.000 đồng/m^2 = 1.740.640.000 đồng. Do đó, bà C, bà T, bà M và ông C1 phải liên đới chịu: 36.000.000 đồng + 03% x (1.740.640.000 đồng - 800.000.000 đồng) = 64.219.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hồng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị Khu C được chia thừa kế. Theo Chứng thư thẩm định giá trên thì đơn giá thửa số 1649 là 3.440.000 đồng/m^2 nên giá trị quyền sử dụng đất Khu C là: 200m^2 x 3.440.000 đồng/m^2 = 688.000.000 đồng. Do đó, bà Thủy phải chịu: 20.000.000 đồng + 04% x (688.000.000 đồng – 400.000.000 đồng) = 31.520.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nói trên.

[6] Về chi phí tố tụng (gồm chi phí đo đạc, thẩm định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ): Ở Tòa án cấp sơ thẩm là 14.800.000 đồng, ở Tòa án cấp phúc thẩm là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 19.800.000 đồng và phía nguyên đơn là ông Nguyễn

Văn G và bà Nguyễn Thị U đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng này. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định tại các Điều 157, 158, 161, 162, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng này nên được chấp nhận và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 611, 623, 649, 650 và 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 và khoản 7 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị U được chia thừa kế quyền sử dụng Khu A, diện tích 206m^2, loại đất ONT, thuộc một phần thửa số 1649, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị U có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Khu A được chia thừa kế.

- Ông Nguyễn Văn G được chia thừa kế quyền sử dụng Khu B, diện tích 200m^2, loại đất ONT, thuộc một phần thửa số 1649, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn G có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Khu B được chia thừa kế.

- Bà Nguyễn Thị Hồng T1 được chia thừa kế quyền sử dụng Khu C, diện tích 200m^2, loại đất ONT, thuộc một phần thửa số 1649, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Hồng T1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Khu C được chia thừa kế.

- Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 được chia thừa kế quyền sử dụng Khu D, diện tích 506m^2, loại đất

ONT, thuộc một phần thửa số 1649, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 1649 cho đúng với diện tích Khu D được chia thừa kế.

(Khu A, Khu B, Khu C và Khu D nói trên theo Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Trung Nghĩa phân khu ngày 09/3/2020 và Mảnh trích đo địa chính số 15 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 22/02/2019).

Các đương sự được quyền sở hữu tài sản, cây cối, vật kiến trúc trên Khu đất mà mình được chia thừa kế.

2. Về bồi thường thiệt hại về tài sản: Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 không phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại về tài sản.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 27/12/2017 đối với thửa đất số 1649, diện tích 1.112m^2, loại đất ONT, thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An mà ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị U đã rút.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị U tự nguyện chịu tổng cộng 19.800.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng) và đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị U được miễn toàn bộ tiền án dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M, ông Nguyễn Tấn C1 phải liên đới nộp 64.219.200 đồng (Sáu mươi bốn triệu hai trăm mười chín nghìn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1 phải nộp 31.520.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009230 ngày 24/8/2018 tại Chi cục Thi hành án huyện Cần Giuộc nên bà Thủy còn phải nộp tiếp 29.270.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng)

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Thúy T, bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Nguyễn Tấn C1 phải liên nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (do bà C

nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001593 ngày 10/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tuấn